

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tân Yên, ngày tháng 10 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng  
Khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên,  
tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị; Nghị định 72/2019 NĐ-CP ngày 30/08/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật kiến trúc;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000);*

*Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định một số nội dung về Quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày*

08/12/2021 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 3833/UBND-XD ngày 27/08/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện các khu đô thị trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 5481/UBND-KTN ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quản lý kiến trúc, xây dựng công trình phía sau 2 dãy nhà và không gian đầu hồi giữa 2 dãy nhà tại các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Văn bản số 4962/UBND-KTN ngày 06/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cao Thượng mở rộng và vùng phụ cận, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000); Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cao Thượng mở rộng và vùng phụ cận, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000);

Căn cứ Văn bản số 2910/SXD-QHCT ngày 12/10/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư Châu Lồi xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ biên bản xin ý kiến Đảng ủy, HĐND, UBND, UBNTTQ và các ngành đoàn thể xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng và các hộ dân cư có liên quan về nội dung lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 ngày 12/8/2022;

Căn cứ Kết luận phiên họp UBND huyện Tân Yên ngày 07/10/2022 tại Thông báo số 152/TB-UBND ngày 07/10/2022 về việc nhất trí thông qua dự thảo Quy hoạch chi tiết khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500; Kết quả thẩm định Hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 281/BCTĐ-KTHT ngày 14/10/2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500, với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu:**

a) *Vị trí khu đất:* Khu vực lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

b) *Ranh giới nghiên cứu:*

- Phía Bắc: Giáp dân cư, đất nông nghiệp hiện trạng;

- Phía Nam: Giáp đường Kênh 5 hiện trạng;
- Phía Tây: Giáp đất ruộng canh tác và khu dân cư hiện trạng;
- Phía Đông: Giáp đường đường tỉnh 298.

c) Quy mô:

- Quy mô diện tích quy hoạch khoảng 9,64 ha.
- Quy mô dân số dự kiến khoảng: 900 người.

d) Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Châu Lồi xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500

## 2. Tính chất

Là khu dân cư mới có kiến trúc cảnh quan đẹp được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

## 3. Quy hoạch sử dụng đất

### 3.1. Cơ cấu sử dụng đất khu dân cư

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tầng cao
<b>1</b>	<b>Đất công cộng, dịch vụ thương mại</b>		<b>1.828,38</b>	<b>1÷3</b>
	<i>Đất công cộng</i>	<i>VH</i>	<i>848,31</i>	<i>1÷3</i>
	<i>Đất dịch vụ thương mại</i>	<i>TMDV</i>	<i>980,07</i>	<i>1÷3</i>
<b>2</b>	<b>Đất giáo dục</b>	<b>GD</b>	<b>705,30</b>	<b>1÷3</b>
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh, mặt nước</b>	<b>CX</b>	<b>9.870,35</b>	
	<i>Đất cây xanh 01</i>	<i>CX01</i>	<i>707,03</i>	<i>1</i>
	<i>Đất cây xanh 02</i>	<i>CX02</i>	<i>366,42</i>	<i>1</i>
	<i>Đất cây xanh 03</i>	<i>CX03</i>	<i>823,21</i>	<i>1</i>
	<i>Đất cây xanh 04</i>	<i>CX04</i>	<i>5.458,63</i>	<i>1</i>
	<i>Đất cây xanh 05</i>	<i>CX05</i>	<i>2.385,29</i>	<i>1</i>
	<i>Đất cây xanh 06</i>	<i>CX06</i>	<i>129,77</i>	<i>1</i>
<b>4</b>	<b>Đất ở</b>		<b>25.130,33</b>	
	Đất nhà ở biệt thự	BT	3.437,50	1÷3
	Đất nhà ở liền kề	LK	21.692,83	3÷5
<b>5</b>	<b>Đất HTKT</b>	<b>HTKT</b>	<b>58.854,91</b>	
	<i>Đất bãi đỗ xe tĩnh</i>	<i>P</i>	<i>2.685,69</i>	
	<i>Đất Trạm xử lý, tập kết rác, HTKT</i>		<i>597,88</i>	<i>1</i>
	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật sau nhà</i>		<i>3.937,01</i>	
	<i>Đất đường giao thông, quảng trường</i>		<i>51.634,33</i>	
<b>6</b>	<b>Tổng diện tích đất quy hoạch</b>		<b>96.389,27</b>	

### 3.2. Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng

#### \* Nhà ở liền kề:

Nhà ở liền kề được ký hiệu từ LK-01 đến LK-22 có diện tích 21.693,65 m<sup>2</sup>, chủ yếu quy hoạch dọc theo các trục đường của đồ án. Các ô đất có kích thước chủ yếu gồm 5,5mx16,7x16m; diện tích trung bình khoảng 88-112 m<sup>2</sup> một lô.

#### \* Nhà ở biệt thự:

Nhà ở biệt thự được ký hiệu BT-01 có diện tích 3.437,5 m<sup>2</sup>, quy hoạch ở phía Nam khu đất nhìn vào khuôn viên cây xanh, tiếp cận trực tiếp từ TL.298 vào. Các ô đất có kích thước chủ yếu gồm 16mx18m; diện tích trung bình khoảng 288m<sup>2</sup> một lô.

#### \* Nhà văn hóa (CC-01):

Quy hoạch 01 nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của khu dân cư, có tổng diện tích đất 848,31 m<sup>2</sup>. Công trình được bố trí ở trung tâm của đồ án. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

Công trình nhà văn hoá kết hợp với hệ thống hạ tầng, hệ thống nhà ở liền kề tạo thành khu vực có kiến trúc và cây xanh hài hoà, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình khai thác sử dụng;

\* **Công trình dịch vụ thương mại hỗn hợp (CC-02):** Đất xây dựng công trình dịch vụ thương mại hỗn hợp có diện tích 980,07 m<sup>2</sup>, gồm 01 khu đất được quy hoạch ở vị trí trung tâm. Mật độ xây dựng tối đa khoảng 80%, tầng cao tối đa không quá 07 tầng.

#### \* Khu cây xanh:

- Ký hiệu lô đất là CX (từ CX:01 đến CX:06), có tổng diện tích là 9.870,35 m<sup>2</sup>.

- Không gian mặt nước là đài phun nước đặt tại quảng trường trung tâm.

#### \* Khu xử lý nước thải, tập kết rác:

Ký hiệu lô đất là (HTKT), có diện tích 597,88 m<sup>2</sup>. Khu xử lý nước thải và tập kết chất thải rắn bố trí quy hoạch ở phía Nam. Trạm gồm các bể xử lý đặt ngầm và nằm trong khuôn viên có cây xanh cách ly nên không gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu dân cư và các công trình khác.

### 3.3. Khoảng lùi công trình

Khoảng lùi tối thiểu được xác định dựa vào chiều cao từng ô đất trong Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, chỉ giới các tuyến đường giao thông và quy định trong các văn bản pháp luật về Quy hoạch đô thị.

+ Đối với ô đất xây dựng nhà ở liền kề chỉ giới đường đỏ tối thiểu trùng với chỉ giới xây dựng; Khoảng lùi đối với các lô góc xác định theo mật độ xây dựng chop phép.

+ Đối với ô đất xây dựng nhà ở biệt thự khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ: 3,0m; khoảng lùi so với ranh đất tối thiểu 1m;

+ Đối với ô đất xây dựng công trình công cộng khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ: 4,0m; khoảng lùi so với ranh đất tối thiểu 2m.

+ Công trình nhà thương mại dịch vụ: Mật độ xây dựng tối đa 80%; Tầng cao tối đa 3 tầng, chỉ giới xây dựng lùi 4,0m so với chỉ giới đường đỏ.

#### 4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

##### 4.1. Quy hoạch giao thông

###### - Đường giao thông đối ngoại:

+ Mặt cắt 1-1 rộng 32,0m; trong đó lòng đường rộng 15,0m; hè đường trái rộng 8,0m; hè đường phải rộng 9,0m.

+ Mặt cắt 2-2 rộng 41m; trong đó lòng đường chính rộng 14,0m; dải phân cách rộng  $2 \times 1,0 = 2,0$ m; mặt đường gom 2 bên rộng  $2 \times 7,0 = 14,0$ m; hè đường trái rộng 5,0m; hè đường phải rộng 6,0m.

+ Mặt cắt 3-3 rộng 36,0m, trong đó lòng đường rộng  $2 \times 9,0 = 18,0$ m; dải phân cách rộng 6,0m; hè đường rộng  $2 \times 6,0 = 12,0$ m.

+ Mặt cắt 4-4 rộng 30,0m, trong đó lòng đường rộng  $2 \times 7,5 = 15,0$ m; dải phân cách rộng 3,0m; hè đường rộng  $2 \times 6,0 = 12,0$ m.

###### - Đường nội bộ:

+ Mặt cắt 5-5 rộng 20,0m, trong đó lòng đường rộng 8,0m; hè đường rộng  $2 \times 6,0 = 12,0$ m.

+ Mặt cắt 6-6 rộng 18,0m, trong đó lòng đường rộng 10,5m; hè đường trái rộng 1,5m; hè đường phải rộng 6,0m.

- Bố trí 01 bãi đỗ xe công cộng trong khu dân cư. Tổng diện tích bãi đỗ xe trong đồ án khoảng 2.685,69 m<sup>2</sup>.

##### 4.2. Quy hoạch san nền

Cao độ nền ô đất được thiết kế trên cơ sở cao độ tim đường, đảm bảo thiết kế kỹ thuật của đường, đảm bảo thoát nước mặt tự chảy. Cao độ san nền khu đất: H<sub>max</sub> = +11,40 m; H<sub>min</sub> = +10,70 m.

##### 4.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch riêng biệt giữa thoát nước mưa và nước thải theo chế độ tự chảy. Cụ thể:

- Hướng thoát nước: Hướng thoát chính của khu vực thoát từ Bắc xuống Nam, toàn bộ nước mưa được thu gom thoát vào kênh tiêu hiện trạng phía Nam qua cống ngang 2D100 đi ngầm qua kênh tưới, nước mặt tiêu tự chảy dẫn ra ngòi cầu Đông.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 (m);

- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ ;

- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400÷D1500, cống hộp BxH=(2x2)m và 2(2x2)m.

- Dọc đường xây dựng những ga thu nước mưa, cống nhánh dẫn nước từ ga thu nước mưa vào cống chính có tiết diện D400. Tại các điểm đầu nối và chuyển hướng xây dựng các giếng thăm.

- Dọc theo tuyến đường TL298 có 3 vị trí cống ngang thoát sang khu vực lập quy hoạch, Thiết kế tuyến cống BxH=2(2x2)m từ vị trí cống thoát nước thuộc dự án khu Đồng Chủ - Đồng Cầu dọc trên hè tuyến đường TL298 thoát vào kênh hở hiện trạng phía Nam qua cống ngầm hiện trạng 2D1000 dưới kênh tưới. Kiến nghị ủy ban nhân dân huyện trong tương lai cần cải tạo cống tiêu hiện trạng thành 2BxH=2(2x2)m để đảm bảo tiêu thoát nước.

- Hoàn trả lại kênh tưới hiện trạng phía Tây bằng tuyến rãnh B600 có nắp đan.

#### 4.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước được lấy từ nhà máy nước của thị trấn Cao Thượng, trên đường ống D160 nằm dọc đường tỉnh 298 theo quy hoạch chung. Điểm đầu nối đầu từ ống D160 bên kia đường (tuyến ống thuộc dự án Khu dân cư Đồng Chủ - Đồng Cầu).

- Nhu cầu cấp nước của khu vực lập quy hoạch là 250 m<sup>3</sup>/ngđ.

#### 4.5. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn điện trung thế 35kV chạy qua dự án, công suất 2x40MVA.

\* Lưới điện trung thế 35kV:

- Lưới điện trung thế đi nối qua khu vực dự án được hạ ngầm, và cấp điện cấp cho khu vực dự án sẽ được đi ngầm trên vỉa hè, luôn trong ống nhựa xoắn cấp đến các trạm biến áp phục vụ cấp điện sinh hoạt, trường học, nhà văn hóa, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, công viên thể thao.

\* Lưới điện hạ thế:

- Trên cơ sở các trạm biến áp đó, thiết kế xây dựng đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Toàn bộ đường dây hạ thế đi ngầm;

- Hệ thống lưới điện hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha bốn dây, trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm được luôn trong ống nhựa xoắn chịu lực đi trong rãnh cáp hạ thế;

- Bán kính lưới điện hạ thế không quá 300m trong khu vực dự án, nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây.

- *Lưới điện chiếu sáng:* Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu, sử dụng đèn led tiết kiệm điện. Hệ thống đường dây chiếu sáng được bố trí đi ngầm dưới vỉa hè đảm bảo mỹ quan khu dân cư.

#### 4.6. Hệ thống hào cáp kỹ thuật và thông tin liên lạc

- Hệ thống hào cáp có đặt sẵn ống nhựa cứng HDPE dùng để đi đường cáp thông tin. Hào cáp được đặt trong phần vỉa hè của đường, ống luôn dây cáp điện dùng loại; Ống nhựa chịu lực HDPE luôn cáp điện viễn thông. Trên hệ thống hào cáp kỹ thuật có bố trí các hố ga và khoảng cách các hố ga kỹ thuật tùy thuộc vào địa hình.

#### 4.7. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

\* **Thoát nước thải:** Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại, được xây dựng bên trong các công trình hoặc ô đất xây dựng các công trình được thu gom vào hệ thống hồ ga và cống tròn HDPE D300. Toàn bộ nước thải được thu gom thoát về khu xử lý đặt ở phía Đông Nam khu vực. Nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống nước mưa. Mạng lưới cống thoát nước thải sử dụng cống HDPE D300.

\* **Quản lý chất thải rắn:** Tiến hành phân loại chất thải rắn ngay từ nguồn thải tại điểm tập kết rác thải. Cụ thể: Đối với khu vực công cộng, thương mại - dịch vụ bố trí hệ thống thu gom chất thải rắn cho từng khối nhà riêng; Đối với khu vực xây nhà thấp tầng: Chất thải sinh hoạt được công ty hoặc HTX môi trường thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng rác và xe tải kín; Ở các nơi công cộng như khu vực cây xanh, đường trục chính..., đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 100 m/thùng.

#### 5. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết

Nội dung Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 35, Luật quy hoạch đô thị, phù hợp với nội dung của đồ án và có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

**6. Các nội dung khác:** Theo báo cáo thẩm định số 281/BC-KTHT ngày 14/10/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng, khu dân cư Châu Lồi, xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 đã được thẩm định.

**Điều 2.** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, phòng KT&HT, phòng TC-KH, phòng TN&MT, phòng NN&PTNT, UBND xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các phòng: KT&HT, TC-KH, TN&MT;
- LĐ, CV VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Viết Toàn**